



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam  
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038  
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 24.07.03 /TN – 12

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED đánh cá DC04 400W 4000K  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân,  
TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: DC04 400W  
Model
- Mã số mẫu: 24.07.03.12  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 03/ 07/ 2024  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 11846:2017/ IEC 62776:2014  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

Thử nghiệm viên/Tester

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 12/ 07/ 2024

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.

(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                       | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method             | Yêu cầu<br>Requirement                    | Kết quả<br>Result |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|
| 1         | Ghi nhãn                                                             |                | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014      | Rõ ràng, đủ độ bền                        | Đạt               |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ<br>25 °C, độ ẩm tương đối 93 %RH |                | TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 |                                           |                   |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                   | MΩ             |                                            | ≥ 2                                       | > 200             |
| 2.2       | Thử nghiệm độ bền điện áp<br>1440 V/1 phút, tần số 50 Hz             |                |                                            | Không bị phóng điện<br>bề mặt, đánh thủng | Đạt               |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện<br>áp nguồn 190V/50Hz              |                |                                            |                                           |                   |
| 3.1       | Công suất                                                            | W              |                                            | ≤ 400 + 10%                               | 388,6             |
| 3.2       | Dòng điện                                                            | A              |                                            | --                                        | 1,781             |
| 3.3       | Hệ số công suất                                                      |                |                                            | ≥ 0,9 – 0,05                              | 0,992             |
| 3.4       | Quang thông                                                          | lm             |                                            | ≥ 52 000 – 10%                            | 50 891            |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                                  | lm/W           |                                            | ≥ 130 – 20%                               | 131,0             |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                        | K              |                                            | --                                        | 3 971             |
| 3.7       | Hệ số thể hiện màu (CRI)                                             |                |                                            | ≥ 70                                      | 76,3              |
| 4         | Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ<br>ngoài (Mã IP)                       |                |                                            | IP66                                      | Đạt               |